Tuần 16 Ngày soạn: 13/12/2022

Tiết 43; 44 Ngày dạy: Thứ 3, ngày 20/12/2022 (T43)

Thứ 4, ngày 21/12/2022 (T44)

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

\* Tổng hợp các kiến thức trong học kì I với các nội dung:

- Tập hợp số tự nhiêu, số nguyên.So sánh số tự nhiên, số nguyên.

- Phép cộng, phép trừ, phép nhân, chia số tự nhiên, số nguyên.

- Ước và Bội của tự nhiện, số nguyên.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu các quy tắc cộng, trừ, nhân tự nhiên, số nguyên, viết được các kí hiệu tập hợp, các tính chất của phép cộng, phép nhân số nguyên, kí hiệu chia hết, kí hiệu ước và bội của số tự nhiên, số nguyên.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để củng cố lại nội dung kiến thức đã học; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập cuối liên quan

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thầy:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng.

**2. Trò:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 43**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (5P)**

**a) Mục tiêu:** Ghi nhớ và củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS nhớ lại các kiên thức và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c) Sản phẩm:** HS trình bày được nội dung kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV dẫn dắt, đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ:

- Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu

- Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu

- Nêu các tính chất của phép nhân

- Nêu khái niệm phép chia hết của số nguyên.

- Thứ tự thực hiện các phép tính trong tâp hợp số tự nhiên và số nguyên.

- Nêu cách tìm bội, ước của số nguyên.

**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**

HS nhớ lại các kiến thức, suy nghĩ và trả lời

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- Đối với mỗi câu hỏi, 1 học sinh đứng tại chỗ trình bày câu trả lời

- HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét các câu trả lời của HS

- Dẫn dắt HS luyện tập làm các bài tập

**2. Hoạt động 2: Luyện tập (40P)**

**a) Mục tiêu:**

- HS củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập

**b) Nội dung:**

HS dựa vào các kiến thức đã học vận dụng làm bài tập

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS viết HS nhắc lại sự thay đổi về dấu của tích thay đổi dấu của thừa số trong tích, và cách nhận biết về dấu của tích dừa vào số thừa số nguyên âm trong tích  **Bài 1**.Thực hiện phép tính :  a) 25.73.(-4)  b) 18 : 32 + 5 . 23  c) ( -12 ) + 42  d) 53. 25 + 53 .75  e) Tổng của tất cả các số nguyên x sao cho – 3 < x < 4  f)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trên  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS nhắc lại sự thay đổi dấu của tích  - Vận dụng học sinh lên bảng làm.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết qủa đúng của các bài tập và đánh giá mức dộ hoàn thành của học sinh  - GV lưu ý cách đổi dấu của tích để có thể tính thuận lợi hơn | **Dạng 1: Tính một cách hợp lý**  Bài 1.  a) 25.73.(-4) =[25.(-4)].73  =-100.73=-7300  b) 18 : 32 + 5.23  =18:9+5.8=2+40=42  c) ( -12 ) + 42 =30  d) 53. 25 + 53 .75  =53.(25+75)=53.100=5300  e) Ta có: x{-2;-1;0;1;2;3}  Tổng: -2+(-1)+0+1+2+3  = [-2+2]+[-1+1]+0+3=3  f)  A=[1104-(200+40)]:9 + 34 + 1  A= [1104-240]:9+81+1  A= 864:9+81+1  A=96+81+1=178  Nhận xét:  Để tính nhanh, tính hợp lý một biểu thức đôi khi ta cần đổi dấu thừa số trong tích rồi vận dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng ( phép trừ) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 2.  **Bài 2**.Tìm số nguyên x, biết:  a) 131 - 941 = 1024  b) 24 + 5 = 713 : 711  c) x60; x144 và x nhỏ nhất khác 0  d) 6x - 36 = 144 : 2  e)  f) x=.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trên  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 1 HS nhắc lại sự thay đổi dấu của tích  - Vận dụng học sinh lên bảng làm.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết qủa đúng của các bài tập và đánh giá mức dộ hoàn thành của học sinh  - GV lưu ý cách đổi dấu của tích để có thể tính thuận lợi hơn | **Dạng 2: Tìm x biết.**  **Bài 2.**  a) 131 - 941 = 1024  131x =1024+941  131x=1965  x=1965:131  x=15  Vậy x=15  **b)** 24 + 5 = 713 : 711  24+5x=72  24+5x=49  5x=49-24  5x=25  x=5  Vậy x=5  c) Vì x60;x144 và x nhỏ nhất khác 0  => x=BCNN(60,144)  60=22.3.5;144=24.32  =>BCNN(60,144) = 24.32.5=720  =>x=720  Vậy x=720  d) 6x - 36 = 144 : 2  6x -36 =72  6x=72+36  6x=108  x=108:6  x=18  e)  (x+140):7 =27- 24  (x+140):7=3  x+140 =21  x=21-140  x=-119  Vậy x=-119  f) x=  x=27:{480:[(57+19)+84]}  x=27:{480:[76+84]}  x=27:{480:160}  x=27:3  x=9  Vậy x=9 |

**Tiết 44**

**3. Hoạt động 3: Vận dụng (45p)**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm các bài tập vậ dụng để khắc sâu kiến thức

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học và làm bài tập ví dụ 2 và bài 3.49

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS đọc và làm các bài tập sau:  Bài 3. Một lớp học có 16 nam và 20 nữ. Có bao nhiêu cách chia đều học sinh của lớp học đó thành các tổ (số tổ nhiều hơn 1) sao cho số nam trong các tổ bằng nhau và số nữ trong các tổ bằng nhau? Trong các cách đó thì cách chia nào để mỗi tổ có số học sinh ít nhất?  Bài 4. Một lớp học có 24 học sinh nam và 30 học sinh nữ, các em muốn chia nhóm để đi tham quan sao cho số nam trong mỗi nhóm bằng nhau và số nữ trong mỗi nhóm cũng bằng nhau. Hỏi có bao nhiêu cách chia nhóm? Cách chia nào để số học sinh của mỗi nhóm ít nhất ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi gợi mở của giáo viên  - Cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung  **\* Kết luận, nhận định 1:**  **-** GV chính xác hóa kết quả các câu hỏi  - GV nhấn mạnh việc giải các bài toán lời văn liên qua đến tìm ƯC và ƯCLN. | **Dạng 3. Toán thực tế**  **Bài 3**.  Gọi số tổ có thể chia được là x(tổ)  ĐK: x>1 , x N\*  Do chia 16 nam và 20 nữ cho các tổ sao cho số nam trong các tổ bằng nhau và số nữ trong các tổ bằng nhau nên 16x ;20x  =>x ƯC(16,20)  16= 24;20=22.5  =>ƯCLN(16,20) = 22=4  =>xƯC(16,20)=Ư(4)={1;2;4}  Có 2 cách chia nhóm đều có số học sinh nam và nữ bằng nhau (số tổ lớn hơn 1)  Cách 1: 2 tổ  Cách 2: 4 tổ  Cách chia thành các tổ mà mỗi tổ có số học sinh ít nhất là 4 tổ.  **Bài 4**. Gọi số nhóm có thể chia được là: x (nhóm).  Theo bài ra ta có: 24x; 30x  →xƯC(24;30)  24=23.3; 30=2.3.5  →ƯCLN(24;30)=2.3=6 →ƯC(24;30)=ƯC(6)={1;2;3;6}  Có 4 cách chia nhóm đều các nhóm có số học sinh nam và nữ bằng nhau nhưng chỉ có cách chia thành 6 nhóm thì có số học sinh nam và nữa đều nhau. |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS đọc và làm các bài tập sau:  **Bài 5**. Học sinh lớp 6A khi xếp hàng 2; hàng 5; hàng 8 đều vừa đủ hàng. Biết học sinh lớp đó trong khoảng 30 đến 50 em. Tính số HS lớp 6A.  **Bài 6**. Một đội thiếu niên khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 5 đều thừa 2 người. Hỏi đội thiếu niên có bao nhiêu người, biết số người của đội thiếu niên ở trong khoảng từ 160 đến 200.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi gợi mở của giáo viên  - Cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung  **\* Kết luận, nhận định 2:**  **-** GV chính xác hóa kết quả các câu hỏi  - GV nhấn mạnh việc giải các bài toán lời văn liên qua đến tìm BC và BCNN. | **Bài 5**. Gọi số học sinh của lớp 6A là x (học sinh) ĐK: 30x≤50  Do học sinh lớp 6A khi xếp hàng 2; hàng 5; hàng 8 đều vừa đủ hàng nên x2; x5;x8 => xBC(2;5;8)  2=1.2;5=1.5;8=23  =>BCNN(2,5,8)=23.5=40  =>BC(2,5,8)=B(40)={0;40;80…} mà 30<x≤50 =>x=40.  Vậy lớp 6A có 40 học sinh.  **Bài 6:** HS lên bảng làm |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS đọc và làm các bài tập sau:  **Bài 7**. Tìm cặp số tự nhiên x; y biết: (2x – 1).(2y + 7) = 17.  **Bài 8**. Cho các số nguyên a, b, c, d thỏa mãn các điều kiện: a+b =c+d và ab+1=cd. Chứng tỏ rằng: c=d.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi gợi mở của giáo viên  - Cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung  **\* Kết luận, nhận định 3:**  **-** GV chính xác hóa kết quả các câu hỏi  - GV nhấn mạnh việc giải các bài toán vận dụng nhiều kiến thức có sự phối hợp với nhau. | **Dạng 4**. Ứng dụng nâng cao:  a) Ta có: (2x – 1).(2y + 7)  = 17=17.1=-17.(-1)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 2x-1 | 17 | 1 | -17 | -1 | | 2y+7 | 1 | 17 | -1 | -17 | | x | 9 | 1 | -8 | 0 | | y | -3 | 5 | -4 | -12 |   Vậy các cặp (x;y) cần tìm là:  (9;-3); (1;5); (-8;-4); (0;12).  b) Ta có: a+b =c+d nên a=c+d-b  Thay a=c+d-b vào ab+1=cd ta có:  (c+d-b).b+1=cd  →c.b+d.b-b.b +1=c.d  →1 = c.d-c.b-d.b+b.b  →1= (c.d-d.b) – (c.b-b.b)  →1=d.(c-b) – b.(c-b)  →1=(c-b)(d-b) hay (c-b)(d-b)=1 =1.1=-1.(-1)  Mà c, b, a, d là số nguyên nên c-b; d-b số nguyên nên c-b=d-b hay c=d (đ.p.c.m) |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Xem lại các ví dụ và bài tập đã giải.

- Ôn tập các kiến thức thức học kì I, tiết sau kiểm tra cuối kì I.

- Làm bài tập về nhà:

**Bài 1**.Thực hiện phép tính.

a) 45.125 + 35.125 – 80.25

b) {35:33 + 2[|-18|: 9 – 5(2.4 – 7)]} + 1

a) 160 - (23. 52 - 6.25)

b) (-10) +12 + (-14)

**Bài 2.**Tìm x, biết

a) 95 – 2(2x – 3) = 53

b) a) 24 + 5x = 75 : 73

c) 4x - 8 = 11 + ( - 7)

d) 54:53 + 2[12:6 + 3(x – 1)] = 69

**Bài 3**.a) Tìm x, y biết  chia hết cho cả 2, 3, 5.

b) Tìm số tự nhiên a lớn nhất biết rằng 48  a; 72  a; 120  a

**Bài 4.**Tìm tất cả các cặp số tự nhiên (x;y) sao cho : 5x+9999=20y.

……………………………………………………………………………

Tuần 16 Ngày soạn: 13/12/2022

Tiết 18 Ngày dạy: Thứ 5, ngày 22/12/2022

**LUYỆN TẬP CHUNG (T)**

**A. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:*** Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng.

***2. Về năng lực:***

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể đề xuất bài toán mới từ bài toán ban đầu.

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giao tiếp toán học: HS tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp toán học: Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng (đơn giản) từ một phần cho trước.

***3. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thầy:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng.

**2. Trò:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**

- GV kiểm tra lại KT lí thuyết của chương

**2. Hoạt động 2: Vận dụng (40P)**

# a) Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để khắc sâu kiến thức.

# b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

# c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

# d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Làm các bài tập: 5.11 Bài 5.13: Vẽ các hình sau vào giấy kẻ ô vuông rồi vẽ thêm để được hình nhận đường thẳng d là trục đối xứng.   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân trả lời 2 câu hỏi.  - Hoạt động theo nhóm bàn 2 người làm bài tập 5.11  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 2 HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời 2 câu hỏi.  - GV yêu cầu một số nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.  - Các nhóm khác quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của bài 5.11 | Bài 5.13 |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động cá nhân làm bài tập 5.14 SGK Bài 5.14: Vẽ hình dưới đây vào giấy kẻ ô vuông rồi vẽ thêm để được hình nhận điểm O làm tâm đối xứng.   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 5.14  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 1 HS lên trình bày.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS, | **Bài 5.14** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Làm bài tập 5.16 SGK Bài 5.16: Hình gấp khúc dưới đây gồm bốn đoạn thẳng có độ dài bằng 1 cm. Em hãy vẽ thêm một đường gấp khúc có độ dài bằng 8 cm để được một hình có cả trục đối xứng và tâm đối xứng.   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: thực hiện tương tự bài 5.14  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 1 HS K – G lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS, lưu ý HS có thể trình bày ngắn gọn. | **Bài 5.16** |

# \* Hướng dẫn về nhà:

# a) Nhiệm vụ cá nhân

# - Học thuộc kĩ lại các khái niệm về hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng.

# - Xem trước các bài tập Ôn tập chương V.

# - GV hướng dẫn cho HS vẽ trước các hình ảnh bài 5.17; 5.19 và 5.20 vào giấy A4 có in dòng kẻ ô li

# b) Nhiệm vụ theo tổ

# Thiết kế sơ đồ tư duy theo sáng tạo riêng của mỗi nhóm để tổng hợp kiến thức Bài 21 + 22 (GV hướng dẫn 4 nhóm các nội dung lớn cần hoàn thành) trình bày ra giấy A0 hoặc A1 và báo cáo vào buổi học sau.

…………………………………………………………………………………..

Tuần 16 Ngày soạn: 16/12/2022

Tiết 19 Ngày dạy: Thứ 7, ngày 24/12/2022

**ÔN TẬP CHƯƠNG V**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Tổng hợp, kết nối lại những kiến thức học sinh đã được học trong chương 5 nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Về năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**\* Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kĩ năng tìm trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.

- Luyện tập khôi phục hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng ( đơn giản) từ một phần cho trước.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thầy:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng.

**2. Trò:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, đồ dùng học tập; sản phẩm sơ đồ tư duy theo tổ GV đã giao từ buổi học trước.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

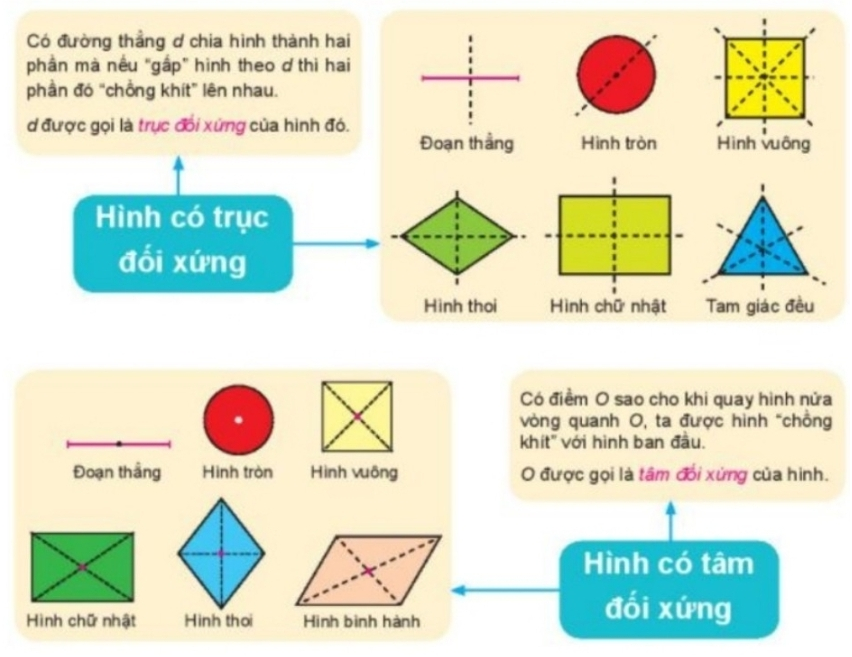
**1. Hoạt động 1: Khởi động (5P)**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 21 + 22.

**b) Nội dung:** Đại diện các nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của mình, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét và cho ý kiến.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy tổng hợp đầy đủ nội dung kiến thức Bài 21 + Bài 22 một cách đầy đủ, ngắn gọn, trực quan, logic



**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chỉ định đại diện nhóm trình bày (Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 -> Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)

**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**

Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

**\* Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dungcho các nhóm khác.

**\* Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**2. Hoạt động 2: Ôn tập chương (10P)**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:**Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS trao đổi, hoàn thành các bài tập Bài 5.18    **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và giơ tay phát biểu trình bày tại chỗ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Thảo luận giữa các thành viên trong nhóm và báo cáo kết quả.  - HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.  **\* Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập. | **Bài 5.18:**  Hình có tâm đối xứng : Hình b |

**3. Hoạt động 3: Vận dụng (30p)**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và luyện tập kĩ năng vẽ, khôi phục hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng ( đơn giản) từ một phần cho trước.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng vào giấy A4 Gv đã giao từ buổi trước : Bài 5.17; 5.19 ; 5.20.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và giơ tay phát biểu trình bày tại chỗ.  HS trao đổi, thảo luận, mỗi bài hoàn thành trong 5p, HS nào hoàn thành sớm sẽ trình bày và trưng bày sản phẩm để các HS quan sát, nhận xét)  **Bài 5.17**    **Bài 5. 19: Vẽ phần còn lại của mặt cười**    **Bài 5.20: Vẽ phần còn lại của chiếc lá**    **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Thảo luận giữa các thành viên trong nhóm và báo cáo kết quả.  - HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **Bài 5.17:**  - Hình a) có một trục đối xứng  - Hình b) có 4 trục đối xứng và một tâm đối xứng.  - Hình c) có tám trục đối xứng và một tâm đối xứng.  **Bài 5. 19**    **Bài 5.20:** |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.

- Tìm hiểu trước chương mới “Hoạt động thực hành trải nghiệm” và đọc trước bài mới “Tấm thiệp và phòng học của em”

- Chuẩn bị các đồ dùng cho bài thực hành: bìa A4 màu tùy ý (21cm x 29,7cm); giấy màu các loại; kéo, hồ dán (băng dính hai mặt), thước thẳng, bút chì, compa, màu, máy tính cầm tay, giấy bút.

- Mỗi tổ chuẩn bị 2 thước dây.

**Tổ chuyên môn kí duyệt**